

Số: 303/2023/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 283/BC-UBND ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 185/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung, mức hỗ trợ và mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, LĐ-TB&XH, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND(M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 303/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, người lao động, hộ gia đình, cá nhân liên quan tham gia quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

4. Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

5. Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Riêng các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì các hộ tham gia phải đảm bảo tối thiểu 70% tổng số hộ tham gia là người dân tộc thiểu số

6. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

Điều 3. Định mức, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Định mức, nội dung hỗ trợ

Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ cho (01) dự án: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch kiên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết. Cụ thể:

a) Dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

- Hỗ trợ giống, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất:

Về trồng trọt: Những sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm trồng trọt chủ lực quốc gia; sản phẩm trồng trọt chủ lực và lợi thế của tỉnh; sản phẩm có khả năng chế biến công nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, sản phẩm có sở hữu trí tuệ; phân bón, chế phẩm sinh học

Về chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc điều

trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học...

Về lâm nghiệp: Cây gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, chế phẩm sinh học, phân bón.

Về thủy sản: Cá nuôi lồng, thức ăn, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, lồng bè nuôi trồng thủy sản.

Mức hỗ trợ theo quy mô thực tế về diện tích, số lượng vật nuôi và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Hỗ trợ không quá 03 vụ hoặc không quá 03 chu kỳ sản xuất.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường): Hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (xây dựng nhà xưởng, nhà kính, nhà lưới, bến bãi, kho tàng; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp): Hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 5.000 triệu đồng/dự án.

Riêng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chỉ hỗ trợ trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 2.000 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành trung ương.

- Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100%, mức hỗ trợ áp dụng theo mức tại Điểm e khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh,

phát triển thị trường): Hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành trung ương.

- Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100%, mức hỗ trợ áp dụng theo mức tại Điểm e Khoản 2 Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp:

a) Trình tự, thủ tục

Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung cấp huyện) nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cụ thể:

- Đơn đề nghị của chủ trì liên kết;

- Thuyết minh Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết;

- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

- Bản sao các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Bản sao chụp các giấy tờ có liên quan: hợp đồng liên kết; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã; báo giá vật tư; giấy xác nhận chăn nuôi của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); danh sách hộ tham gia.v.v.

Bước 2: Thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt dự án

- Thành lập Hội đồng thẩm định

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị cấp huyện trở lên: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực Nông, lâm nghiệp (hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh; lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; lãnh đạo Văn phòng điều phối của từng chương trình MTQG của tỉnh; lãnh đạo các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

+ Đối với các dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh; lãnh đạo Văn phòng điều phối của từng chương trình MTQG của tỉnh; lãnh đạo các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Thẩm định và phê duyệt dự án

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến cơ quan chủ quản chương trình xem xét, thẩm định.

+ Chủ trì liên kết gửi 1 bộ hồ sơ theo quy định tại **Bước 1** đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

+ Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 7 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao bộ phận thường trực (*Chi cục Phát triển nông thôn*) và các Sở, ngành có liên quan kiểm tra thực tế theo hồ sơ đề xuất để báo cáo trước Hội đồng thẩm định;

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ đến thành viên Hội đồng và tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

+ Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định, Chủ trì dự án tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ gửi bộ phận thường trực trong vòng 5 ngày làm việc;

+ Trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát hồ sơ và thực hiện một số nội dung:

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ trợ dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị cấp huyện trở lên.

Có văn bản thẩm định gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố làm căn cứ để phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị cấp huyện.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

Bước 4: Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

b) Mẫu hồ sơ thực hiện dự án, kế hoạch

Mẫu hồ sơ thực hiện dự án, kế hoạch phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).

Mẫu hồ sơ thực hiện dự án dự án, kế hoạch liên kết bao gồm:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị;

Mẫu số 02: Dự án liên kết theo chuỗi giá trị;

Mẫu số 03: Biên bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết;

Mẫu số 04: Bản cam kết;

Mẫu số 05: Quyết định phê duyệt dự án liên kết;

Mẫu số 06: Hợp đồng liên kết sản xuất;

Mẫu số 07: Hợp đồng thực hiện dự án liên kết.

(Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Bảo đảm theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương, nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 4. Định mức, nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nội dung thẩm định hồ sơ, tiêu chí lựa chọn trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Định mức, nội dung hỗ trợ

Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ từ điểm a đến điểm g Điều này cho (01) dự án: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn, không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể:

a) Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:

- Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất

- Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm:

Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý và phát triển thị trường: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ

d) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Mức chi thực hiện theo điểm a Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

e) Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao: Mức chi thực hiện theo điểm b Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC

ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

g) Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án

a) Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định

Bước 1: Xây dựng dự án

- Tuyên truyền, phổ biến dự án sẽ được tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn:
+ Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc cơ quan được giao vốn), Trưởng thôn.

+ Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ: Là các đối tượng thụ hưởng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Cách thức tiến hành: Thông báo bằng văn bản đến các đối tượng hưởng chính sách, có đủ điều kiện tham gia dự án hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách đối tượng tham gia dự án: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã/cơ quan được giao vốn (phòng, ban cấp huyện làm chủ đầu tư) nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: Biên bản họp dân; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, trong đó nêu rõ tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ, nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng; trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định về nội dung, mức hỗ trợ.

Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án/cơ quan được giao vốn (Phòng, ban cấp huyện làm chủ đầu tư) để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

Thành phần hồ sơ đề xuất: (i) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã/cơ quan được giao vốn (Phòng, ban cấp huyện làm chủ đầu tư); (ii) Biên bản họp dân; (iii) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về

thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể sử dụng Hội đồng thẩm định dự án liên kết theo chuỗi giá trị để thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp thẩm định dự án sản xuất cộng đồng.

Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện sau: (i) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này; ii) dự án thực hiện phải xác định được đầu ra của sản phẩm; kết quả về chỉ số tạo việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng tham gia dự án. (iii) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất phải là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ khuyến nông cộng đồng, tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín (già làng, trưởng bản, trưởng tộc) trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. (iv) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi; (v) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân đối ứng thực hiện dự án. (vi) Đảm bảo các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Quyết định này (như nguyên tắc, phương thức, điều kiện hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ.....).

Bước 3: Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng gồm: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể ủy quyền (ủy quyền bằng Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) cho Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thành phố quyết định phê duyệt đề xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn xã, sau khi có ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định cấp huyện.

Bước 4. Ủy ban nhân dân cấp xã/cơ quan, đơn vị được giao vốn (chủ đầu tư) thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư triển khai thực hiện dự án; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án cộng đồng theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

Bước 5. Nghiệm thu, đánh giá kết quả, hiệu quả dự án và thanh lý hợp đồng theo quy định.

b) Mẫu hồ sơ, bao gồm:

Mẫu số 08: Biên bản họp dân;

Mẫu số 09: Thuyết minh Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng;

Mẫu số 10: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng;

Mẫu số 11: Hợp đồng thực hiện dự án.

(Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

4. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này./.

PHỤ LỤC KÈM THEO

*(Kèm theo Nghị quyết số 303 /2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình)*

Mẫu số 1	Đơn đề nghị
Mẫu số 2	Dự án liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 3	Biên bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết
Mẫu số 4	Bản cam kết
Mẫu số 5	Quyết định phê duyệt dự án liên kết
Mẫu số 6	Hợp đồng liên kết sản xuất
Mẫu số 7	Hợp đồng thực hiện dự án liên kết
Mẫu số 8	Biên bản họp dân
Mẫu số 9	Thuyết minh Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 10	Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 11	Hợp đồng thực hiện dự án.

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN, KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án:

.....

Người đại diện theo pháp luật:

.....

Chức vụ:

.....

Giấy đăng ký kinh doanh số/Quyết định thành lập ngày cấp.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

.....

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị (1):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:

.....

2. Địa bàn thực hiện:

.....

3. Quy mô dự án, kế hoạch:

.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

.....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ:

.....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

.....

III. CAM KẾT: (tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)